Chi tiết mã HS 3824.40.00

Mã HS	3824.40.00
Mô tả hàng hóa	Chất gắn đã điều chế dùng cho các loại khuôn đúc hoặc lõi đúc; các sản phẩm và chế phẩm hóa học của ngành công nghiệp hóa chất hoặc các ngành công nghiệp có liên quan (kể cả các sản phẩm và chế phẩm chứa hỗn hợp các sản phẩm tự nhiên), chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác / - Phụ gia đã điều chế dùng cho xi măng, vữa hoặc bê tông
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	06/11/2026 06:56:26
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/38244000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5503
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5503
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5503
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ5503
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA	0	0%	116/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CP5503
Thuế XK ưu đãi UKVFTA	0	0%	117/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CS5503

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	3,3	3,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	3,3	3,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	3,3	3,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

RCEP (Phụ lục F)	3,3	3,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	3,4	3,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AC!E5371
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5332
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5332
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5332
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5332
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5332
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5332
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E5376
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5376
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5376
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5376

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5376
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5376
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5374
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5374
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5374
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5374
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5374
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5374
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5376
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5338
AIFTA	30/12/2022	2022	5	AI!F5334
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	5	AI!G5334
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	5	AI!H5334
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	5	AI!I5334
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	5	AI!J5334
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	5	AI!K5334
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5343
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5343
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5343
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5343
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5343
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5343
VCFTA	2022	2022	0	VC!D5384
VCFTA	2023	2023	0	VC!E5384
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5384
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5384

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5384
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5384
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5385
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5385
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5385
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5385
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5385
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5385
AHKFTA	2022	2022	5	AKH!D5388
AHKFTA	2023	2023	5	AKH!E5388
AHKFTA	2024	2024	5	AKH!F5388
AHKFTA	2025	2025	5	AKH!G5388
AHKFTA	2026	2026	5	AKH!H5388
AHKFTA	2027	2027	5	AKH!I5388
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D5357
EVFTA	2023	2023	1,6	EV-NK!E5357
EVFTA	2024	2024	0,8	EV-NK!F5357
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5357
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5357
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5357
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D5359
UKVFTA	2023	2023	1,6	UKV!E5359
UKVFTA	2024	2024	0,8	UKV!F5359
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5359
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5359
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5359

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5357
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5357
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5357
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5357
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5357
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5357
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5357
RCEP A	2022	2022	4,7	RCEPT-A!D5378
RCEP A	2023	2023	4,3	RCEPT-A!E5378
RCEP A	2024	2024	4	RCEPT-A!F5378
RCEP A	2025	2025	3,7	RCEPT-A!G5378
RCEP A	2026	2026	3,3	RCEPT-A!H5378
RCEP A	2027	2027	3	RCEPT-A!I5378
RCEP B	2022	2022	4,7	B!D5378
RCEP B	2023	2023	4,3	B!E5378
RCEP B	2024	2024	4	B!F5378
RCEP B	2025	2025	3,7	B!G5378
RCEP B	2026	2026	3,3	B!H5378
RCEP B	2027	2027	3	B!I5378
RCEP C	2022	2022	5	C!D5378
RCEP C	2023	2023	5	C!E5378
RCEP C	2024	2024	5	C!F5378
RCEP C	2025	2025	5	C!G5378
RCEP C	2026	2026	5	C!H5378
RCEP C	2027	2027	5	C!I5378
RCEP D	2022	2022	4,7	D!D5378

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	4,4	D!E5378
RCEP D	2024	2024	4,1	D!F5378
RCEP D	2025	2025	3,8	D!G5378
RCEP D	2026	2026	3,4	D!H5378
RCEP D	2027	2027	3,1	D!I5378
RCEP E	2022	2022	4,7	E!D5381
RCEP E	2023	2023	4,3	E!E5381
RCEP E	2024	2024	4	E!F5381
RCEP E	2025	2025	3,7	E!G5381
RCEP E	2026	2026	3,3	E!H5381
RCEP E	2027	2027	3	E!I5381
RCEP F	2022	2022	4,7	F!D5378
RCEP F	2023	2023	4,3	F!E5378
RCEP F	2024	2024	4	F!F5378
RCEP F	2025	2025	3,7	F!G5378
RCEP F	2026	2026	3,3	F!H5378
RCEP F	2027	2027	3	F!I5378
VIFTA	2024	2024	3,3	VI!F4947
VIFTA	2025	2025	1.7	VI!G4947
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4947
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4947

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	ACFTA 5%, AHKFTA 5%, AIFTA 5%, RCEP (Phụ lục C) 5%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (5%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 5%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3824.40.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 3824.40.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5503), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.